

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ K  
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HS-ST

Ngày: 18/5/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Khánh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Chuộng

2. Bà Đinh Thị Tin

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Hiền Lương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Long - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2021/HSST ngày 31 tháng 3 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐST – HS ngày 05 tháng 5 năm 2021 đối với:

Bị cáo **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1981, Nơi cư trú: L1, phường A, thị xã K, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1954. Tiền sự: Không.

Tiền án:

- Bản án số 180/2013/HSST ngày 27/11/2013 của Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 09 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 03/6/2014, chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 25/02/2014, đã chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm.

- Bản án số 39/2016/HSST ngày 20/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện D, thành phố P xử phạt 1 năm 3 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản. Ngày 23/6/2017, chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo đã chấp hành xong nghĩa vụ chịu án phí.

- Bản án số 28/2018/HS-ST ngày 03/4/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Q xử phạt 30 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản. Ngày 15/4/2020, chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 27/6/2018, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm.

Nhân thân:

Bản án số 50/2012/HS-ST ngày 26/7/2012 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh H xử phạt 09 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản. Ngày 19/4/2013, chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 04/10/2012, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/02/2021 đến ngày 19/02/2021, sau đó được chuyển sang biện pháp tạm giam hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị hại:** Chùa M, Địa chỉ: thôn S, xã Q1, thị xã K, tỉnh H.

Người đại diện Chùa M: Ông Phạm Văn H1 – Trưởng thôn S, xã Q1, thị xã K, tỉnh H. Vắng mặt tại phiên tòa

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Mạc Đức T2, sinh năm 1973.

Địa chỉ: KDC Tây Sơn, phường A, thị xã K, tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 13 giờ ngày 12/02/2021, Nguyễn Văn C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha – Nouvo LX, biển số 34P2-0346, màu xanh trắng (xe C mượn của anh Mạc Đức T2, sinh năm 1973, trú tại: Tây Sơn, A, K, H) mang theo 1 túi xách bằng vải màu đen, 5 ngăn có khóa kéo đến Chùa M thuộc thôn S, xã Q1, thị xã K, tỉnh H mục đích trộm cắp tài sản(chùa do người dân thôn S giao cho ông Phạm Văn H1 là trưởng thôn có trách nhiệm quản lý, trông coi). Đến khoảng 13 giờ 40 phút cùng ngày đến Chùa M, C quan sát khu vực xung quanh chùa vắng người, C dựng xe ở sân chùa rồi đi vào trong chùa theo cửa phụ bên phải. C thấy tại gian giữa có ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1979, trú tại: xã Q1, thị xã K, tỉnh H đang nằm ngủ, C đi đến ban thờ Tam Bảo thấy trên giữa bàn thờ có một chiếc đĩa hình tròn bằng kim loại sáng màu có để tiền nhiều loại mệnh giá khác nhau, C bê chiếc đĩa đồ toàn bộ số tiền vào trong túi vải mang theo rồi để chiếc đĩa lại vị trí cũ và đi ra cửa. Cùng lúc này, ông M tỉnh dậy thì thấy C từ chùa đi ra, ông M quan sát thấy tiền trên ban Tam Bảo bị mất, đã truy hô, đuổi theo C. C chạy ra chỗ dựng xe ở sân nổ máy bỏ chạy nhưng bị ông M chạy theo hô hoán cùng anh Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1992, trú tại: thôn S, xã Q1, thị xã K đuổi kịp bắt giữ C cùng tang vật gồm: 01 túi xách bằng vải màu đen, kích thước 40x32x15(cm), loại túi 5 ngăn có khóa kéo bên trong túi có số tiền là 1.478.000 đồng; 01 chiếc xe mô tô yamaha – Nouvo LX, biển số 34P2-0346 và giao C cho Công an xã Q1.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho Chùa M. Ông Phạm Văn H1 là người đại diện cho Chùa M đã nhận lại tài sản đến nay không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn C đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 18/CT - VKS ngày 30/3/2021, Viện kiểm sát nhân dân thị xã K đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

***Tại phiên tòa hôm nay:***

- Bị cáo xác định trước thời điểm phạm tội bị cáo sinh sống và lao động sản xuất cùng với mẹ bị cáo tại phường A, thị xã K. Bị cáo cũng đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

- Người đại diện Chùa M ông Phạm Văn H1 vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện VKSND thị xã K giữ nguyên Quyết định truy tố; nêu những chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; xem xét nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Đề nghị áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s, v khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

- *Áp dụng:* điểm a khoản 1 Điều 76; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- *Áp dụng:* Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

+ *Đề nghị xử phạt:* Bị cáo Nguyễn Văn C từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 12/02/2021.

- *Trách nhiệm dân sự:* Không đặt ra giải quyết

Ngoài ra Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý về vật chứng và án phí đối với bị cáo.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, Quyết định tố tụng:* Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an thị xã K; Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu

nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo:* Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn C thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với biên bản kiểm đếm tài sản, tang vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 13 giờ 40 phút ngày 12/02/2021, tại Chùa M thuộc thôn S, xã Q1, thị xã K, tỉnh H, lợi dụng sơ hở của nhà chùa trong việc trông coi tiền công đức Nguyễn Văn C đã có hành vi **lén lút chiếm đoạt toàn bộ số** tiền công đức đặt tại ban thờ Tam Bảo Chùa M rồi cho vào trong túi mang theo trên người. Ngay sau khi C ra đến cửa thì bị ông Nguyễn Văn Mưu, sinh năm 1979, trú tại: Q1, thị xã K, tỉnh H phát hiện truy hô, bắt giữ. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 1.478.000 đồng.

Số tiền bị cáo chiếm đoạt là 1.478.000 đồng (dưới 2.000.000 đồng), tuy nhiên bị cáo đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích nay lại phạm tội, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự. Bị cáo đã 4 lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều xác định trước khi phạm tội bị cáo tham gia lao động, sản xuất tại gia đình nơi bị cáo cư trú. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã K truy tố bị cáo theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người đúng tội và đúng pháp luật.

[3] *Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:* Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc lấy tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, song do coi thường pháp luật nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Trong vụ án này, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là có dự mưu, bởi lẽ đối tượng bị cáo hướng tới để chiếm đoạt tài sản là nhà Chùa, nơi có sự lơ là về mặt quản lý tài sản. Trước đó, bị cáo đã 4 lần bị kết án về hành vi “trộm cắp tài sản”, trong đó bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của nhà Chùa. Do vậy, khi lượng hình cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi bị cáo đã thực hiện mới có tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[4] *Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

- *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bản thân bị cáo đã có thời gian phục vụ trong lực lượng Công an nhân dân được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng 3 nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] *Hình phạt bổ sung:* Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy điều kiện hoàn cảnh của bị cáo nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] *Trách nhiệm dân sự:* Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho Chùa M. Ông Phạm Văn H1 là người đại diện cho Chùa M đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án.

[7] *Xử lý vật chứng:*

Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã K quản lý 01 túi xách bằng vải màu đen, kích thước 40 x 32 x 15(cm), loại túi 5 ngăn có khóa kéo(túi đã qua sử dụng) là tài sản của bị cáo. Đây là chiếc túi bị cáo sử dụng để cất giấu số tiền bị cáo đã chiếm đoạt, xác định không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với chiếc xe mô tô Yamaha – Novo LX BKS 34P2 – 0346. Quá trình điều tra xác định chiếc xe là tài sản hợp pháp của anh Mạc Đức Thính, khi C mượn xe để sử dụng, anh T2 không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã K đã trả lại chiếc xe mô tô Yamaha – Novo LX BKS 34P2 – 0346(*cùng giấy tờ xe do anh T2 giao nộp*) cho anh T2 quản lý nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án.

[8] *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- *Căn cứ vào:* điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s, v khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

- *Căn cứ vào:* điểm a khoản 1 Điều 76; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- *Căn cứ vào:* Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Về hình phạt chính:

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C 11 (mười một) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 12/02/2021.

- Trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho Chùa M. Người đại diện cho Chùa M là ông Phạm Văn H1 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu đề nghị gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án.

- **Xử lý vật chứng:**

Tịch thu cho tiêu hủy 01 túi xách bằng vải màu đen, kích thước 40 x 32 x 15(cm), loại túi 5 ngăn có khóa kéo(túi đã qua sử dụng).

(Số lượng, đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08/04/2021 giữa Công an thị xã K và Chi cục thi hành án dân sự thị xã K).

- **Án phí:** Bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

- **Quyền kháng cáo:**Án xử công khai sơ thẩm; có mặt bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị hại. Đã báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Đại diện hợp pháp cho bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKS nhân dân tỉnh H;
- VKS nhân dân thị xã K;
- THA Hình sự Công an TX K;
- Công an thị xã K;
- Sở tư pháp tỉnh H;
- Bị cáo;
- Bị hại, người có QL, NV liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Khánh**